

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2022

Về tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, về “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giang Thị Ngọc H, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Giang Thị Ngọc H trình bày:

Vào năm 1994, chị và anh Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình

chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Chấn T và Nguyễn Thị Ngọc A, hiện các con chung đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung không có.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên chị với anh Đ không còn chung sống với nhau 18 năm nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung, đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Giang Thị Ngọc H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị Giang Thị Ngọc H. Về con chung, đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Giang Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung: Chị Giang Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Giang Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị H có nộp bản chính giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N cấp, nên hôn nhân giữa chị H với anh Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian dài và có 02 con chung hiện đã thành niên. Trong quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không hạnh phúc, chị với anh Đ không còn chung sống với nhau 18 năm nay.

Nay chị H xin ly hôn với anh Đ, anh Đ cũng đồng ý nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Về con chung đã thành niên; về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Giang Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giang Thị Ngọc H với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung đã thành niên, về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí:

Buộc chị Giang Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002746 ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiên Nghiệm